BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	05 - 27
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	09 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104782792 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/08/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/05/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 5 Tòa nhà Ngôi Sao Thăng Long, Số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Đình Như	Chủ tịch	
Bà Lê Thị Nhung	Thành viên	
Ông Nguyễn Hải Hoàn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2015)
Ông Lê Đức Tự	Thành viên	
Ông Hoàng Ngọc Chiến	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Quang	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2015)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Đình Như	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Nhung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Công	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Diệu Hương	Trưởng ban
Ông Phạm Đức Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Hiển	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Bùi Đình Như
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Số: 1310/2015/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số : 0285-2013-002-1
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Phạm Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 (đã phân loại lại) VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**139.612.658.266**	**88.171.219.398**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**33.643.228.550**	**2.680.911.790**
111	1. Tiền		3.643.228.550	2.680.911.790
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	-
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	4	**14.500.000.000**	**17.500.000.000**
121	1. Đầu tư ngắn hạn		14.500.000.000	17.500.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**74.226.179.886**	**56.269.558.044**
131	1. Phải thu khách hàng		26.087.157.234	21.586.601.664
132	2. Trả trước cho người bán	5	42.180.847.652	27.949.556.380
135	5. Các khoản phải thu khác	6	5.958.175.000	6.733.400.000
140	**IV. Hàng tồn kho**	7	**17.055.484.302**	**10.954.681.168**
141	1. Hàng tồn kho		17.055.484.302	10.954.681.168
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**187.765.528**	**766.068.396**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		55.728.363	21.146.719
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		132.037.165	744.921.677
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**19.814.328.151**	**41.469.256.812**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**12.572.292.997**	**33.572.292.997**
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		572.292.997	572.292.997
218	4. Phải thu dài hạn khác	8	12.000.000.000	33.000.000.000
220	**II. Tài sản cố định**		**7.019.549.522**	**7.612.574.846**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	7.019.549.522	7.612.574.846
222	*- Nguyên giá*		*8.097.140.214*	*8.202.472.851*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(1.077.590.692)*	*(589.898.005)*
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**222.485.632**	**284.388.969**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	222.485.632	284.388.969
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**159.426.986.417**	**129.640.476.210**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 (đã phân loại lại) VND
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**28.047.789.942**	**5.771.621.525**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**27.575.785.942**	**5.299.617.525**
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	58.998.000	117.996.000
312	2. Phải trả người bán		20.537.491.707	1.988.751.636
313	3. Người mua trả tiền trước		4.497.179.591	782.587.022
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	2.187.721.450	2.213.638.062
315	5. Phải trả người lao động		203.956.461	160.841.924
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	90.438.733	35.802.881
330	**II. Nợ dài hạn**		**472.004.000**	**472.004.000**
334	4. Vay và nợ dài hạn	14	472.004.000	472.004.000
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**120.743.632.591**	**113.612.918.032**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**15**	**120.743.632.591**	**113.612.918.032**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20.743.632.591	13.612.918.032
439	**C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**		**10.635.563.884**	**10.255.936.653**
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**159.426.986.417**	**129.640.476.210**

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Huệ	Nguyễn Thị Hưng	Bùi Đình Như

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
M.S.D.N: 0104782792-C.T.C.P. Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014 (đã phân loại lại)
			VND	VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	16	**74.520.416.132**	**70.126.099.576**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**74.520.416.132**	**70.126.099.576**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	17	**67.760.159.334**	**62.769.801.646**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**6.760.256.798**	**7.356.297.930**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	6.014.500.282	158.249
22	7. Chi phí tài chính	19	27.173.911	1.869.083
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*27.173.911*	*1.869.083*
24	8. Chi phí bán hàng		610.596.000	304.580.288
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	2.105.230.203	534.830.442
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**10.031.756.966**	**6.515.176.366**
32	12. Chi phí khác	21	334.192.455	10.700.000
40	**13. Lợi nhuận khác**		**(334.192.455)**	**(10.700.000)**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**9.697.564.511**	**6.504.476.366**
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	2.187.222.721	237.732.708
60	**18. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**7.510.341.790**	**6.266.743.658**
61	**18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số**		**379.627.231**	**(166.201.715)**
62	**18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ**		**7.130.714.559**	**6.432.945.373**
70	**19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	23	**713**	**3.889**

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Huệ	Nguyễn Thị Hưng	Bùi Đình Như

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Theo phương pháp gián tiếp

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014 (đã phân loại lại)
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***9.697.564.511***	***6.504.476.366***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		545.873.802	71.006.474
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.014.500.282)	(97.302)
06	- Chi phí lãi vay		27.173.911	1.869.083
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***4.256.111.942***	***6.577.254.621***
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		3.656.262.670	(23.608.982.664)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(6.100.803.134)	(5.715.639.816)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		22.250.356.015	53.200.102.512
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		74.473.215	(43.189.818)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(27.173.911)	(1.869.083)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.102.412.319)	-
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	50.000.000
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***22.006.814.478***	***30.457.675.752***
	II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(14.500.000.000)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		17.500.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.014.500.282	97.302
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***9.014.500.282***	***97.302***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	90.000.000.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	326.234.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(58.998.000)	(71.000.000.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(58.998.000)***	***19.326.234.000***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**30.962.316.760**	**49.784.007.054**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**2.680.911.790**	**822.957.637**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	3	**33.643.228.550**	**50.606.964.691**

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Huệ	Nguyễn Thị Hưng	Bùi Đình Như

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104782792 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/08/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/05/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 5 Tòa nhà Ngôi Sao Thăng Long, Số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng (một trăm tỷ đồng), tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có Công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2015:

Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thương mại Việt Nam	Hà Nội	51%	51%	Xây dựng, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 29/05/2015, ngành nghề kinh doanh của công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng, lặp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi, điều hòa và hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn, bán lẻ vật liệu, thiết bị lắp đặt, đồ ngũ kim, sơn, kính và các thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác quặng sắt, quặng kim loại khác không chứa sắt, quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai khoáng khác chưa phân vào đâu;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; các cấu kiện kim loại;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác, bán lẻ ô tô con, đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, phụ tùng khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, trồng rừng và chăm sóc rừng, trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Giáo dục mần non, giáo dục tiểu học;
- Tư vấn, môi giới, quảng cáo,đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, hoạt động tư vấn quản lý, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận, hỗ trợ dịch vụ tài chính;
- Vận tải hành khách đượng bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, xây dựng nhà các loại.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng
Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của Công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của Công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

2.9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong kỳ kế toán nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

Doanh thu/lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh

Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh được ghi nhận khi các bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh công bố chia lợi nhuận cho các bên theo điều khoản quy định trong Hợp đồng.

Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh: Doanh thu được ghi nhận khi các bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh công bố chia doanh thu cho các bên theo điều khoản quy định trong Hợp đồng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.14 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	2.177.676.023	1.305.131.007
Tiền gửi ngân hàng	1.465.552.527	1.375.780.783
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	-
	33.643.228.550	**2.680.911.790**

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, khoản tiền gửi theo hợp đồng số 30062015/SHBTL-DTPTDNVN có giá trị 30.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) với kỳ hạn từ 30/6/2015 đến 07/07/2015, lãi suất 1%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
- Cho ông Nguyễn Trung Toàn vay (*)	3.500.000.000	-
- Cho bà Thân Thi Liên vay (*)	3.500.000.000	-
- Cho ông Vũ Văn Huynh vay	-	5.000.000.000
- Cho ông Mạc Hùng Sơn vay	-	8.500.000.000
- Cho ông Hoàng Anh vay (**)	4.000.000.000	2.000.000.000
- Cho ông Hoàng Ngọc Trường vay (**)	3.500.000.000	2.000.000.000
	14.500.000.000	**17.500.000.000**

(*) Các hợp đồng cho vay cá nhân có kỳ hạn 180 ngày bắt đầu từ ngày 01/06/2015 và đáo hạn vào ngày 30/11/2015 với lãi suất 5%/ năm. Tổng số dư cho vay tại ngày 30/06/2015 là 7.000.000.000 VND.

(**) Các hợp đồng cho vay cá nhân có kỳ hạn 1 năm bắt đầu từ ngày 20/06/2015 và đáo hạn vào ngày 20/06/2016 với lãi suất 6,5%/ năm. Tổng số dư cho vay tại ngày 30/06/2015 là 7.500.000.000 VND.

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty Cổ Phần Chì Kẽm Yên Bái	-	15.002.600.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng Sản Tây Bắc	-	12.842.956.380
Ông Trần Đức Hòa (*)	42.000.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	180.847.652	104.000.000
	42.180.847.652	**27.949.556.380**

(*) Theo "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đầm nuôi trồng thủy sản" số 1012/2014/HDDCNQSDĐ/HOA-VNDI ngày 10/12/2014 ký kết với ông Trần Đức Hòa, cá nhân ông Hòa sẽ thực hiện chuyển quyền sử dụng đất với 2 thửa đất có tổng diện tích 110,5 ha thuộc Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng với mục đích sử dụng là: Đất nuôi trồng Thủy sản được cấp theo Quyết định số 10/QĐ-UB ngày 09/01/2011 và 289/QĐ-UB ngày 22/04/2003 của UBND Huyện Hải An, TP Hải Phòng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty đã chuyển cho cá nhân ông Hòa số tiền 42 tỷ đồng để ứng trước cho hợp đồng và tổng giá chuyển nhượng vẫn đang được tiếp tục thương thảo. Công ty cũng đang làm việc với các bên liên quan cũng như thực hiện các thủ tục về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 2 thửa đất trên và chuyển mục đích sử dụng sang đất Khu công nghiệp để lập "Dự án Khu công nghiệp Đình Vũ mở rộng" với thời hạn thuê 50 năm.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015 VND	01/01/2015 (đã phân loại lại) VND
Phải thu tiền chuyển nhầm tài khoản	90.000.000	-
Phải thu phần vốn góp do hủy hợp tác (*)	5.160.720.000	6.733.400.000
Phải thu khác	707.455.000	-
	5.958.175.000	**6.733.400.000**

(*) Năm 2014, Công ty ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2802/2014/HDHT/VIT-NC ngày 28/02/2014 với Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng và Thương mại Nhật Cường về việc thực hiện triển khai "Dự án xây dựng và cung cấp vật tư thiết bị Nhà ga T2 Nội Bài". Tổng vốn đầu tư của dự án là 25.000.000.000 VND với tỷ lệ góp vốn 50% mỗi bên. Thời gian hợp tác là 02 năm từ ngày 28/02/2014 đến 28/02/2016 và có thể kéo dài thêm theo sự thỏa thuận của hai bên. Công ty đã thực hiện chuyển 12.500.000.000 VND cho đối tác theo hợp đồng, tuy nhiên dự án không thể thực hiện triển khai được. Theo đó, Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng và Thương mại Nhật Cường sẽ thực hiện chuyển trả lại tiền góp vốn cho Công ty. Tổng số tiền chưa được chuyển trả tại 30/06/2015 là 5.160.720.000 VND.

7 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.605.552.705	3.151.636.729
Công cụ, dụng cụ	183.042.483	199.649.530
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.734.163.852	1.443.946.447
Hàng hóa	8.532.725.262	6.159.448.462
	17.055.484.302	**10.954.681.168**

8 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015 (đã phân loại lại)
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Lâm nghiệp Yên Bái	-	21.000.000.000
Công ty Cổ phần Finway (*)	12.000.000.000	12.000.000.000
	12.000.000.000	**33.000.000.000**

(*) Theo hợp đồng liên kết kinh doanh số 01/2014/HĐHT/VNDI-FW ngày 10/01/2014, Công ty góp vốn thực hiện dự án "Cung cấp hệ thống điều hòa không khí và thông gió cho tòa nhà Thư viện Học Viện Cảnh Sát Nhân Dân" với công ty Cổ Phần Finway với tổng số vốn góp 12.000.000.000 VND tương đương với 50% tổng số vốn của dự án. Kết quả kinh doanh (lãi sau thuế TNDN/ lỗ) sẽ được phân chia theo tỷ lệ góp vốn.

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 1

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	284.388.969	30.489.394
Số tăng trong kỳ	174.531.522	5.276.000
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(236.434.859)	(4.542.242)
Số dư cuối kỳ	**222.485.632**	**31.223.152**

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:	30/06/2015	01/01/2015 (đã phân loại lại)
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	182.252.875	284.388.969
Chi phí đăng ký, duy trì tên miền, hosting	5.792.474	-
Chi phí bảo hiểm ô tô	34.440.283	-
	222.485.632	**284.388.969**

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2015	01/01/2015 (đã phân loại lại)
	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả (chi tiết xem Thuyết minh số 14)	**58.998.000**	**117.996.000**
	58.998.000	**117.996.000**

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	21.573.973
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.187.721.450	2.102.911.048
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.177.626
Các loại thuế khác	-	87.975.415
	2.187.721.450	**2.213.638.062**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Bảo hiểm xã hội	54.739.350	13.379.921
Bảo hiểm y tế	9.779.130	22.422.960
Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.920.253	-
	90.438.733	**35.802.881**

14 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2015 VND	01/01/2015 (đã phân loại lại) VND
Vay dài hạn	**472.004.000**	**472.004.000**
Vay ngân hàng	472.004.000	472.004.000
	472.004.000	**472.004.000**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu theo khế ước vay số 190857769 ngày 18 tháng 12 năm 2014; Thời hạn vay là 60 tháng từ ngày 18/12/2014 đến ngày 18/12/2019; Mục đích khoản vay là mua ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh; Lãi suất vay trong hạn là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Nợ gốc phải trả mỗi kỳ là 9.833.000 VND. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số TKH.BDDN.42.250214 giữa Ông Hoàng Ngọc Chiến và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu. Số dư nợ gốc tại 30/06/2015 là 531.002.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong năm tài chính 2015 là 58.998.000 VND (Thuyết minh số 11).

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	**10.000.000.000**	**1.163.685.054**	**11.163.685.054**
Tăng vốn trong kỳ trước	90.000.000.000	-	90.000.000.000
Lãi trong kỳ trước	-	6.432.945.373	6.432.945.373
Số dư cuối kỳ trước	**100.000.000.000**	**7.596.630.427**	**107.596.630.427**
Số dư đầu kỳ này	**100.000.000.000**	**13.612.918.032**	**113.612.918.032**
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	7.130.714.559	7.130.714.559
Số dư cuối kỳ này	**100.000.000.000**	**20.743.632.591**	**120.743.632.591**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015	Tỷ lệ	01/01/2015	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Finway	6.000.000.000	6,00	6.000.000.000	6,00
Ông Bùi Đình Như	10.000.000.000	10,00	10.000.000.000	10,00
Ông Hoàng Ngọc Chiến	5.000.000.000	5,00	5.000.000.000	5,00
Ông Lê Đức Tự	5.000.000.000	5,00	5.000.000.000	5,00
Các cổ đông khác	74.000.000.000	74,00	74.000.000.000	74,00
	100.000.000.000	**100,00**	**100.000.000.000**	**100,00**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	*100.000.000.000*	*10.000.000.000*
- Vốn góp tăng trong kỳ	*-*	*90.000.000.000*
- Vốn góp cuối kỳ	*100.000.000.000*	*100.000.000.000*

d) Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*10.000.000*	*10.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*10.000.000*	*10.000.000*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu

16 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014 (đã phân loại lại)
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	69.940.051.522	63.646.260.573
Doanh thu cung cấp dịch vụ	786.813.640	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	3.793.550.970	824.839.003
Lợi nhuận sau thuế được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh	-	5.655.000.000
	74.520.416.132	**70.126.099.576**

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	65.512.723.751	61.744.869.000
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	70.100.000	-
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	2.177.335.583	1.024.932.646
	67.760.159.334	**62.769.801.646**

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014 (đã phân loại lại)
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.500.282	158.249
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn góp (*)	6.000.000.000	-
	6.014.500.282	**158.249**

(*) Theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 3003/2015/HĐCN/VNDI-VCI ngày 30/03/3015, Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam chuyển nhượng vốn góp tại " Dự án Trồng và thu hoạch gỗ rừng cung cấp gỗ cho nhà máy gỗ (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 7)" với tổng mức giá chuyển nhượng là 27.000.000.000 VND. Thu nhập từ hoạt đồng chuyển nhượng vốn góp này là 6.000.000.000 VND.

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	27.173.911	1.869.083
	27.173.911	**1.869.083**

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	239.112.231	14.617.879
Chi phí nhân công	911.687.122	444.313.289
Chi phí khấu hao tài sản cố định	160.945.356	8.696.996
Thuế, phí, lệ phí	64.555.242	26.887.166
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.922.393	5.430.331
Chi phí khác bằng tiền	692.007.859	34.884.781
	2.105.230.203	**534.830.442**

21 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Tiền phạt chậm nộp tờ khai, thuế TNDN	134.396.677	-
Chi phí khấu hao TSCĐ không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	198.000.000	-
Chi phí khác	1.795.778	10.700.000
	334.192.455	**10.700.000**

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam	1.993.535.358	237.732.708
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thương mại Việt Nam	193.687.363	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**2.187.222.721**	**237.732.708**
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	2.102.911.048	290.921.264
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(2.102.412.319)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	**2.187.721.450**	**528.653.972**

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	7.130.714.559	6.432.945.373
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.130.714.559	6.432.945.373
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	1.654.167
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**713**	**3.889**

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.645.923.561	479.008.227
Chi phí nhân công	2.455.976.843	861.863.577
Chi phí khấu hao TSCĐ	347.873.802	71.006.474
Thuế, phí, lệ phí	64.555.242	26.887.166
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.922.393	13.573.667
Chi phí khác bằng tiền	702.227.350	35.380.781
	7.253.479.191	**1.487.719.892**

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.643.228.550	-	2.680.911.790	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	44.617.625.231	-	61.892.294.661	-
Các khoản cho vay	14.500.000.000	-	17.500.000.000	-
	92.760.853.781	**-**	**82.073.206.451**	**-**

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	531.002.000	590.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	20.627.930.440	2.024.554.517
	21.158.932.440	**2.614.554.517**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.643.228.550	-	-	33.643.228.550
Phải thu khách hàng, phải thu khác	44.617.625.231	-	-	44.617.625.231
Các khoản cho vay	14.500.000.000	-	-	14.500.000.000
	92.760.853.781	**-**	**-**	**92.760.853.781**
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.680.911.790	-	-	2.680.911.790
Phải thu khách hàng, phải thu khác	61.892.294.661	-	-	61.892.294.661
Các khoản cho vay	17.500.000.000	-	-	17.500.000.000
	82.073.206.451	**-**	**-**	**82.073.206.451**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015				
Vay và nợ	58.998.000	472.004.000	-	531.002.000
Phải trả người bán, phải trả khác	20.627.930.440	-	-	20.627.930.440
	20.686.928.440	**472.004.000**	**-**	**21.158.932.440**
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	117.996.000	472.004.000	-	590.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	2.024.554.517	-	-	2.024.554.517
	2.142.550.517	**472.004.000**	**-**	**2.614.554.517**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 30/06/2015, Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam ban hành Nghị quyết số 3006/2015/NQ/ĐHĐCĐ-VNDI thông qua Kế hoạch phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ và phương án sửa dụng vốn sau khi tăng vốn (Theo nội dung Tờ trình số 1206.2/2015/TTr/HĐQT-VNDI ngày 12/06/2015). Theo đó, số lượng cổ phần phổ thông phát hành bổ sung là 20.000.000 cổ phần tương ứng với tổng giá trị 200.000.000.000 VND, nguồn vốn này sẽ được sử dụng cho các dự án của công ty và hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp trong thời gian sắp tới. Thời điểm dự kiến phát hành vào Quý III/2015 đến Quý IV/2015.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

Xem chi tiết Phụ lục 2.

Theo khu vực địa lý:

Các hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
		VND	VND
Chuyển nhượng vốn hợp tác liên doanh			
Công ty Cổ Phần Thương Mại và Đầu Tư VCI Việt Nam	Bên liên quan với HĐQT (*)	27.000.000.000	-
Doanh thu bán hàng			
Công ty Cổ Phần Finway	Cổ đông góp vốn	750.450.000	-
Công ty Cổ Phần Thương Mại và Đầu Tư VCI Việt Nam	Bên liên quan với HĐQT (*)	1.256.013.791	-
Mua nguyên vật liệu			
Công ty Cổ Phần Thương Mại và Đầu Tư VCI Việt Nam	Bên liên quan với HĐQT (*)	32.626.449.282	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ như sau:

	Mối quan hệ	30/06/2015	01/01/2015
		VND	VND
Phải thu			
Công ty Cổ Phần Thương Mại và Đầu Tư VCI Việt Nam	Bên liên quan với HĐQT (*)	65.852.537	615.996.760

(*) Ông Nguyễn Hải Hoàn là thành viên HĐQT của công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (miễn nhiệm ngày 30/06/2015) đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ Phần Thương Mại và Đầu Tư VCI Việt Nam.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	139.200.000	138.000.000

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh hợp nhất tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền hợp nhất và các thuyết minh hợp nhất tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất chưa được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này:

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo kỳ trước
		VND	VND
Bảng Cân đối kế toán			
- Phải thu khách hàng	131	21.586.601.664	22.158.894.661
- Các khoản phải thu khác	135	6.733.400.000	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn	151	21.146.719	241.431.468
- Phải thu dài hạn của khách hàng	211	572.292.997	-
- Phải thu dài hạn khác	218	33.000.000.000	-
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	39.733.400.000
- Chi phí trả trước dài hạn	261	284.388.969	64.104.220
- Vay và nợ ngắn hạn	331	117.996.000	-
- Vay và nợ dài hạn	334	472.004.000	590.000.000
b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	70.126.099.576	64.471.099.576
- Doanh thu hoạt động tài chính	15	158.249	5.655.158.249
c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ			
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(97.302)	(5.655.158.249)
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(23.608.982.664)	(70.608.982.664)
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(23.000.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	70.000.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	97.302	5.655.158.249

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Huệ	Nguyễn Thị Hưng	Bùi Đình Như

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Phụ lục 1 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	**380.000.000**	**5.237.014.422**	**2.423.125.792**	**162.332.637**	**8.202.472.851**
Số giảm trong kỳ	-	-	-	(105.332.637)	(105.332.637)
- Giảm do không đủ tiêu chuẩn TSCĐ	-	-	-	*(105.332.637)*	*(105.332.637)*
Số dư cuối kỳ	**380.000.000**	**5.237.014.422**	**2.423.125.792**	**57.000.000**	**8.097.140.214**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	**57.000.000**	**420.975.997**	**25.240.893**	**86.681.115**	**589.898.005**
Số tăng trong kỳ	38.000.000	346.928.442	151.445.360	9.500.000	545.873.802
- Khấu hao trong kỳ	*38.000.000*	*346.928.442*	*151.445.360*	*9.500.000*	*545.873.802*
Số giảm trong kỳ	-	-	-	(58.181.115)	(58.181.115)
- Giảm do không đủ tiêu chuẩn TSCĐ	-	-	-	*(58.181.115)*	*(58.181.115)*
Số dư cuối kỳ	**95.000.000**	**767.904.439**	**176.686.253**	**38.000.000**	**1.077.590.692**
Giá trị còn kỳ					
Tại ngày đầu kỳ	323.000.000	4.816.038.425	2.397.884.899	75.651.522	7.612.574.846
Tại ngày cuối kỳ	**285.000.000**	**4.469.109.983**	**2.246.439.539**	**19.000.000**	**7.019.549.522**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.013.803.020 VND

Phụ lục 2 : Báo cáo bộ phận chính yếu – Theo lĩnh vực kinh doanh

	Kinh doanh thương mại	Hoạt động tư vấn	Xây lắp	**Tổng cộng toàn doanh nghiệp**
	VND	VND	VND	**VND**
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	69.940.051.522	786.813.640	3.793.550.970	**74.520.416.132**
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**4.427.327.771**	**716.713.640**	**1.616.215.387**	**6.760.256.798**
Tài sản bộ phận	132.154.362.947	-	27.272.623.470	**159.426.986.417**
Tài sản không phân bổ	-	-	-	**-**
Tổng tài sản	**132.154.362.947**	**-**	**27.272.623.470**	**159.426.986.417**
Nợ phải trả của các bộ phận	22.480.398.890	-	5.567.391.052	**28.047.789.942**
Tổng nợ phải trả	**22.480.398.890**	**-**	**5.567.391.052**	**28.047.789.942**